Phụ lục VIII
GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP TỐI THIỂU VÀ TỐI ĐA
(Dự thảo sửa đổi bổ sung ban hành kèm theo Nghị quyết số ...../2026/NQ-HĐND
Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

1 Giá đất nông nghiệp tối thiểu

STT	Tên xã, phường	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hằng năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất
1	Phường Biên Hòa	350	350	240	240
2	Phường Trấn Biên	370	370	250	250
3	Phường Tam Hiệp	370	370	250	250
4	Phường Long Bình	370	370	250	250
5	Phường Trảng Dài	130	130	80	80
6	Phường Hố Nai	130	130	120	120
7	Phường Long Hưng	350	350	240	240
8	Phường Tân Triều	130	130	80	80
9	Phường Phước Tân	350	350	240	240
10	Phường Tam Phước	350	350	240	240
11	Xã Long Thành	130	130	100	100
12	Xã Bình An	130	130	130	130
13	Xã An Phước	130	130	130	130
14	Xã Long Phước	130	130	130	130
15	Xã Phước Thái	130	130	130	130
16	Xã Nhơn Trạch	100	100	100	100
17	Xã Đại Phước	100	100	100	100
18	Xã Phước An	100	100	100	100
19	Phường Long Khánh	100	100	90	90
20	Phường Bảo Vinh	100	100	90	90
21	Phường Xuân Lập	170	170	150	150
22	Phường Hàng Gòn	120	120	100	100
23	Phường Bình Lộc	110	110	100	100
24	Xã Xuân Lộc	100	100	60	60
25	Xã Xuân Hòa	100	100	60	60
26	Xã Xuân Thành	100	100	60	60
27	Xã Xuân Bắc	40	40	20	20
28	Xã Xuân Phú	100	100	60	60
29	Xã Xuân Định	100	100	60	60
30	Xã Cẩm Mỹ	110	110	70	70
31	Xã Xuân Quế	100	100	60	60
32	Xã Xuân Đường	110	110	70	70
33	Xã Sông Ray	100	100	60	60

34	Xã Xuân Đông	100	100	60	60
35	Xã Trảng Bom	130	130	115	115
36	Xã An Viễn	130	130	120	120
37	Xã Bàu Hàm	100	100	90	90
38	Xã Bình Minh	130	130	115	115
39	Xã Hưng Thịnh	100	100	90	90
40	Xã Dầu Giây	100	100	90	90
41	Xã Gia Kiệm	130	130	115	115
42	Xã Thống Nhất	40	40	20	20
43	Xã Định Quán	40	40	20	20
44	Xã Phú Vinh	40	40	20	20
45	Xã La Ngà	40	40	20	20
46	Xã Phú Hòa	40	40	20	20
47	Xã Thanh Sơn	20	20	20	20
48	Xã Tân Phú	30	30	25	25
49	Xã Tà Lài	25	25	20	20
50	Xã Nam Cát Tiên	25	25	20	20
51	Xã Phú Lâm	30	30	25	25
52	Xã Đak Lua	15	15	15	15
53	Xã Trị An	35	35	25	25
54	Xã Tân An	130	130	80	80
55	Xã Phú Lý	35	35	25	25
56	Phường Bình Phước	114	90	25	
57	Phường Đồng Xoài	114	90	25	14
58	Phường Minh Hưng	94	76	30	
59	Phường Chơn Thành	123	98	30	
60	Xã Nha Bích	97	78	30	
61	Phường Bình Long	70	50	20	
62	Phường An Lộc	101	81	20	
63	Phường Phước Bình	45	32	20	
64	Phường Phước Long	94	75	20	13
65	Xã Thuận Lợi	50	40	20	22
66	Xã Tân Lợi	50	39	20	22
67	Xã Đồng Tâm	75	60	20	19
68	Phường Đồng Phú	40	32	20	22
69	Phường Lộc Ninh	31	25	18	18
70	Xã Lộc Thành	27	22	18	18
71	Xã Lộc Hưng	45	30	18	18
72	Xã Lộc Tấn	45	30	18	18
73	Xã Lộc Thạnh	27	22	18	18
74	Xã Lộc Quang	27	22	18	18
75	Phường Tân Khai	43	34	20	19
76	Xã Tân Hưng	36	29	15	
77	Xã Tân Quan	22	18	14	
78	Xã Minh Đức	27	22	15	17

79	Xã Phước Sơn	34	27	13	10
80	Xã Nghĩa Trung	50	35	15	13
81	Xã Bù Đăng	39	31	15	13
82	Xã Thọ Sơn	41	33	15	13
83	Xã Đắk Nhau	29	23	13	10
84	Xã Bom Bo	31	25	15	13
85	Xã Thiện Hưng	22	18	13	14
86	Xã Tân Tiến	22	18	13	14
87	Xã Hưng Phước	22	18	13	14
88	Xã Đắk Ơ	45	32	20	20
89	Xã Phú Nghĩa	45	32	20	20
90	Xã Đa Kia	25	20	16	
91	Xã Bù Gia Mập	36	29	20	20
92	Xã Phú Riềng	48	34	15	
93	Xã Phú Trung	45	32	15	
94	Xã Long Hà	45	32	15	
95	Xã Bình Tân	45	32	15	

2 Giá đất nông nghiệp tối đa

STT	Tên xã, phường	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hằng năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất
1	Phường Biên Hòa	630	630	430	430
2	Phường Trấn Biên	670	670	450	450
3	Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
4	Phường Long Bình	670	670	450	450
5	Phường Trảng Dài	230	230	140	140
6	Phường Hố Nai	230	230	220	220
7	Phường Long Hưng	460	460	310	310
8	Phường Tân Triều	230	230	140	140
9	Phường Phước Tân	460	460	310	310
10	Phường Tam Phước	460	460	310	310
11	Xã Long Thành	230	230	180	180
12	Xã Bình An	230	230	230	230
13	Xã An Phước	230	230	230	230
14	Xã Long Phước	230	230	230	230
15	Xã Phước Thái	230	230	230	230
16	Xã Nhơn Trạch	180	180	180	180
17	Xã Đại Phước	180	180	180	180
18	Xã Phước An	180	180	180	180
19	Phường Long Khánh	140	140	130	130
20	Phường Bảo Vinh	140	140	130	130

21	Phường Xuân Lập	240	240	210	210
22	Phường Hàng Gòn	170	170	140	140
23	Phường Bình Lộc	140	140	130	130
24	Xã Xuân Lộc	180	180	110	110
25	Xã Xuân Hòa	180	180	110	110
26	Xã Xuân Thành	180	180	110	110
27	Xã Xuân Bắc	70	70	40	40
28	Xã Xuân Phú	180	180	110	110
29	Xã Xuân Định	180	180	110	110
30	Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
31	Xã Xuân Quế	180	180	110	110
32	Xã Xuân Đường	200	200	130	130
33	Xã Sông Ray	180	180	110	110
34	Xã Xuân Đông	180	180	110	110
35	Xã Trảng Bom	230	230	210	210
36	Xã An Viễn	230	230	220	220
37	Xã Bàu Hàm	180	180	160	160
38	Xã Bình Minh	230	230	210	210
39	Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
40	Xã Dầu Giây	180	180	160	160
41	Xã Gia Kiệm	230	230	210	210
42	Xã Thống Nhất	70	70	40	40
43	Xã Định Quán	70	70	40	40
44	Xã Phú Vinh	70	70	40	40
45	Xã La Ngà	70	70	40	40
46	Xã Phú Hòa	70	70	40	40
47	Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
48	Xã Tân Phú	55	55	50	50
49	Xã Tà Lài	50	50	40	40
50	Xã Nam Cát Tiên	50	50	40	40
51	Xã Phú Lâm	55	55	50	50
52	Xã Đak Lua	30	30	30	30
53	Xã Trị An	60	60	50	50
54	Xã Tân An	230	230	140	140
55	Xã Phú Lý	60	60	50	50
56	Phường Bình Phước	280	220	130	
57	Phường Đồng Xoài	280	220	130	39
58	Phường Minh Hưng	250	200	120	
59	Phường Chơn Thành	250	200	120	
60	Xã Nha Bích	250	121	72	
61	Phường Bình Long	112	90	63	
62	Phường An Lộc	210	168	118	
63	Phường Phước Bình	140	112	90	
64	Phường Phước Long	210	168	134	37
65	Xã Thuận Lợi	98	78	63	54

66	Xã Tân Lợi	252	202	161	54
67	Xã Đồng Tâm	113	90	72	47
68	Xã Đồng Phú	90	72	58	54
69	Xã Lộc Ninh	60	48	38	38
70	Xã Lộc Thành	60	48	38	38
71	Xã Lộc Hưng	70	56	45	44
72	Xã Lộc Tấn	70	56	45	44
73	Xã Lộc Thạnh	60	48	38	38
74	Xã Lộc Quang	60	48	38	38
75	Xã Tân Khai	96	77	61	42
76	Xã Tân Hưng	60	48	38	
77	Xã Tân Quan	50	40	32	
78	Xã Minh Đức	50	40	32	32
79	Xã Phước Sơn	75	60	48	25
80	Xã Nghĩa Trung	75	60	48	32
81	Xã Bù Đăng	88	70	56	32
82	Xã Thọ Sơn	70	56	45	32
83	Xã Đắk Nhau	65	52	42	25
84	Xã Bom Bo	70	56	45	32
85	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
86	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
87	Xã Hưng Phước	50	40	32	32
88	Xã Đắk Ơ	60	48	38	38
89	Xã Phú Nghĩa	60	48	38	38
90	Xã Đa Kia	55	44	35	
91	Xã Bù Gia Mập	50	40	32	32
92	Xã Phú Riềng	81	65	52	
93	Xã Phú Trung	77	62	49	
94	Xã Long Hà	77	62	49	
95	Xã Bình Tân	77	62	49	